

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 479/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2023

V/v: "*Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con*".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Hoàng Nam** và bà **Nguyễn Thị Cẩm Bình**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung** – Thư ký
Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đỗ Văn K**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh G.

(Anh K có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Chị **Nguyễn Cẩm H**, sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện R, tỉnh G.

(Chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đỗ Văn K trình bày: Vào năm 2020, anh và chị Nguyễn Cẩm H cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện R, tỉnh G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/8/2020.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2021 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng

quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay.

Nay anh xét thấy không còn tình cảm với chị Nguyễn Cẩm H nữa nên quyết định ly hôn với chị Nguyễn Cẩm Huyền.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Cẩm H có 01 con chung tên Đỗ Ngọc B, sinh ngày 09/10/2021, hiện nay con đang sống cùng chị H.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, anh Đỗ Văn K yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn với chị Nguyễn Cẩm H

- *Về con chung:* Đồng ý giao con chung tên Đỗ Ngọc B, sinh ngày 09/10/2021 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/6/2023; Biên bản hòa giải ngày 25/7/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/8/2023 bị đơn chị Nguyễn Cẩm H trình bày: Chị H thống nhất theo ý kiến trình bày của anh K về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ, tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn với anh K. Chị H xác nhận hiện nay chị không còn tình cảm với anh K nữa, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, không ai quan tâm đến nhau nhưng do chị theo đạo Công giáo nên không được phép ly hôn nên chị không đồng ý ly hôn với anh K.

Do đó, anh K yêu cầu ly hôn với chị thì chị có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị H xác nhận hiện nay không còn tình cảm với anh K nữa nhưng do theo đạo Công giáo nên không được phép ly hôn, yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

- *Về con chung:* Nếu anh K yêu cầu ly hôn với chị thì chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Ngọc B, sinh ngày 09/10/2021 và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Đỗ Văn K khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Cẩm H có hộ khẩu thường trú ấp C, xã T, huyện R, tỉnh G. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn chị Nguyễn Cẩm H có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2020, anh K và chị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện R, tỉnh G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/8/2020. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo anh K trình bày nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay và vấn đề này cũng được chị H thừa nhận, tuy nhiên chị H không đồng ý ly hôn vì chị theo đạo Công giáo nên không được phép ly hôn nên chị không đồng ý ly hôn với anh K. Tại phiên tòa anh K vẫn cương quyết xin ly hôn với chị H còn chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh K và chị H đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H để ổn định cuộc sống. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của anh K về việc xin ly hôn chị H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Anh K và chị H xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Đỗ Ngọc B, sinh ngày 09/10/2021, hiện nay đang sống cùng chị H. Nay chị H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và trong quá trình giải quyết anh K cũng thống nhất giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, HĐXX xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự là tiếp tục giao cháu B cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Khá và chị Huyền tự nguyện thoả thuận mỗi tháng anh Khá có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bích là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Bích đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự tự nguyện thoả thuận của anh chị không vi phạm điều cấm của pháp luật nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa anh K và chị H về việc thoả thuận mức cấp dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình buộc anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng từ khi xét xử sơ thẩm (11/8/2023) đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K và chị H xác nhận vợ chồng tự thoả thuận tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Anh K và chị H cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh K là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 9 và Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Cẩm H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh K và chị H là giao con chung tên Đỗ Ngọc B, sinh ngày 09/10/2021 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đỗ Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền 1.000.000 đồng/01tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (11/8/2023) đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Hai bên giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Cẩm H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Đỗ Văn K và chị Nguyễn Cẩm H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Đỗ Văn K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0008256 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; Anh K còn phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Về quyền kháng cáo: Anh K có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- THADS huyện Giồng Riềng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lữ Cẩm Nhung